TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN L** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 85/2023/QĐST-DS	*L, ngày 21 tháng 7 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 13 tháng 7 năm 2023 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 599/2022/TLST-DS, ngày 03 tháng 11 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Võ Đông H, sinh năm 1964
Nơi cư trú: Khóm B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Trà Vinh.
- *Bị đơn*: Chị Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1984
Nơi cư trú: ấp S, xã M, huyện L, tỉnh Trà Vinh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về số tiền phải trả: Chị Nguyễn Thị Thu T tự nguyện trả cho ông Võ Đông H số tiền mua thức ăn chăn nuôi còn nợ là 81.805.000 đồng (*Tám mươi mốt triệu, tám trăm lẽ năm nghìn đồng*).

Về thời gian trả: Ông Võ Đông H và chị Nguyễn Thị Thu T tự nguyện thỏa thuận. Vào ngày 15 (Mười lăm) hàng tháng chị Nguyễn Thị Thu T trả cho ông Võ Đông H số tiền 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*). Thời gian trả bắt đầu từ ngày 15 tháng 8 năm 2023 cho đến khi chị T trả hết số nợ.

Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án), hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên pH thi hành án còn pH chịu khoản tiền lãi của số tiền còn pH thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.045.125 đồng (*Hai triệu, không trăm bốn mươi lăm nghìn, một trăm hai mươi lăm đồng*). Ông Võ Đông H và chị chị Nguyễn Thị Thu T tự nguyện thỏa thuận mỗi bên nộp 50% tiền án phí. Do đó, chị T nộp 1.022.560 đồng (*Một triệu không trăm hai mươi hai nghìn, năm trăm sáu mươi đồng*) tiền án phí.

Ông H nộp 1.022.560 đồng (*Một triệu không trăm hai mươi hai nghìn, năm trăm sáu mươi đồng*) tiền án phí nhưng do ông H là con của liệt sĩ nên thuộc diện được miễn nộp tạm ứng án phí và án phí. Ông H có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí và đã được Tòa án chấp nhận. Vì vậy, ông H được miễn toàn bộ án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện L;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Nhật Thành